**Điều hành giá xăng dầu ngày 30/1/2023**

****

Thị trường xăng dầu thế giới từ ngày 11/01/2023-30/01/2023 chịu ảnh hưởng của các yếu tố như: Việc Trung Quốc mở cửa trở lại nền kinh tế sau một thời gian dài áp dụng các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt để phòng chống đại dịch COVID-19; tác động của việc áp dụng giá trần do phương Tây áp đặt lên dầu mỏ của Nga; đồng USD yếu hơn cộng với việc OPEC+ được dự báo sẽ giữ nguyên chính sách cắt giảm sản lượng trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ tiếp tục được cải thiện;…các yếu tố này tác động làm giá xăng dầu có diễn biến tăng giảm đan xen nhưng nhìn chung là tăng.

Bình quân giá thành phẩm xăng dầu thế giới giữa kỳ điều hành giá ngày 11/01/2023 cho đến ngày 30/01/2023 là: 98.859 USD/thùng xăng RON92 dùng để pha chế xăng E5RON92 (tăng 10.239 USD/thùng, tương đương tăng 11,55% so với kỳ trước); 102.269 USD/thùng xăng RON95 (tăng 10.247 USD/thùng, tương đương tăng 11,14% so với kỳ trước); 117.710 USD/thùng dầu hỏa (tăng 7.993 USD/thùng, tương đương tăng 7,29% so với kỳ trước); 116.994/thùng dầu điêzen (tăng 8.414 USD/thùng, tương đương tăng 7,75% so với kỳ trước); 397,803 USD/tấn dầu mazut 180CST 3,5S (tăng 26,648 USD/tấn, tương đương tăng 7,18% so với kỳ trước).

**Biến động giá thành phẩm xăng dầu trên thị trường thế giới 11/01/2023–30/01/2023**

*(Chi tiết tại bảng thống kê giá thành phẩm xăng dầu thế giới giữa hai kỳ điều hành)*

Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước đang được kiểm soát, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp đã phục hồi trở lại.

Trước diễn giá xăng dầu thế giới tăng cao, ảnh hưởng đến nguồn cung xăng dầu trong nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân, liên bộ Bộ Công Thương – Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép điều hành giá xăng dầu vào ngày 30 tháng 01 năm 2023.

Kỳ điều hành này, mặt hàng xăng dầu tăng cao, để hài hòa lợi ích giữa người dân, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, ổn định nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng xăng dầu sau dịp Tết Nguyên đán năm 2023, tuân thủ quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, Bộ Công thương quyết định tăng mức chi Quỹ BOG đối với mặt hàng xăng E5RON92 lên mức 850 đồng/lít, xăng RON95 lên mức 950 đồng/lít; giảm mức trích lập Quỹ BOG đối với tất cả các mặt hàng dầu về mức 200 đồng/lít/kg, để giá các mặt hàng xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới.

Phương án điều hành giá xăng dầu nêu trên nhằm góp phần bảo đảm thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát và bình ổn thị trường; bảo đảm biến động giá xăng dầu trong nước cơ bản phù hợp với biến động của giá xăng dầu thế giới; tiếp tục duy trì mức chênh lệch giá giữa xăng sinh học E5RON92 và xăng khoáng RON95 ở mức hợp lý để khuyến khích sử dụng xăng sinh học nhằm bảo vệ môi trường theo chủ trương của Chính phủ; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia thị trường, giúp hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu duy trì, cung ứng xăng dầu cho thị trường trong nước; hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

- Trích lập Quỹ BOG:

Thực hiện trích lậpQuỹ BOG đối với dầu điêzen ở mức 200 đồng/lít (kỳ trước 605 đồng/lít), dầu hỏa ở mức 200 đồng/lít (kỳ trước 650 đồng/lít); dầu Mazut ở mức 200 đồng/kg (kỳ trước 300 đồng/lít).

- Chi sử dụng Quỹ BOG xăng dầu: Thực hiện chi Quỹ BOG đối với mặt hàng xăng E5RON92 ở mức 850đồng/lít (kỳ trước chi 121 đồng/lít); xăng RON95 ở mức 950đồng/lít (kỳ trước chi 103 đồng/lít).

2. Giá bán xăng dầu

Sau khi thực hiện trích lập và chi sử dụngQuỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trườngnhư sau:

- Xăng E5RON92: không cao hơn 22.329 đồng/lít (tăng 977 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành), thấp hơn xăng RON95-III 818 đồng/lít;

- Xăng RON95-III: không cao hơn 23.147 đồng/lít (tăng 993 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành);

- Dầu điêzen 0.05S: không cao hơn 22.524đồng/lít (tăng 890 đồng/lít so với mức bán lẻ hiện hành);

- Dầu hỏa: không cao hơn 22.576đồng/lít (tăng 767 đồng/lít so với giá bán lẻ hiện hành);

- Dầu mazut 180CST 3.5S: không cao hơn 13.934đồng/kg (tăng568 đồng/kg so với giá bán lẻ hiện hành).

**Biến động giá bán lẻ xăng dầu trong nước**

3. Thời gian thực hiện

- Trích lập, chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: áp dụng từ 19 giờ 00 ngày 30 tháng 01 năm 2023.

- Áp dụng mức giá bán đối với các mặt hàng xăng dầu: do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu quy định nhưng không sớm hơn 19 giờ 00 ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với các mặt hàng tăng giá.

**Giá thành phẩm xăng dầu thế giới giữa 02 kỳ điều hành\*** *(11/01/2023 - 30/01/2023)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **X92** | **X95** | **Dầu hoả** | **Do0,05** | **FO 3,5S** | **VCB mua CK** | **VCB bán** |
| 11/1/23 | 90.240 | 92.880 | 110.100 | 111.100 | 369.970 | 23,340.00 | 23,610.00 |
| 12/1/23 | 93.410 | 96.440 | 112.580 | 113.600 | 378.990 | 23,340.00 | 23,610.00 |
| 13/1/23 | 95.560 | 98.490 | 115.750 | 116.070 | 388.100 | 23,340.00 | 23,610.00 |
| 14/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 15/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 16/1/23 | 97.340 | 100.220 | 116.800 | 116.830 | 390.070 | 23,290.00 | 23,610.00 |
| 17/1/23 | 96.600 | 99.530 | 117.810 | 117.220 | 397.350 | 23,290.00 | 23,600.00 |
| 18/1/23 | 100.650 | 104.420 | 117.470 | 116.430 | 409.350 | 23,290.00 | 23,600.00 |
| 19/1/23 | 98.910 | 102.680 | 117.840 | 116.550 | 400.820 | 23,290.00 | 23,620.00 |
| 20/1/23 | 104.520 | 108.410 | 121.060 | 119.390 | 405.330 | 23,290.00 | 23,620.00 |
| 21/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 22/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 23/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 24/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 25/1/23 | 104.600 | 108.490 | 123.670 | 122.300 | 410.400 | 23,280.00 | 23,620.00 |
| 26/1/23 | 102.550 | 106.440 | 119.290 | 117.540 | 407.200 | 23,280.00 | 23,620.00 |
| 27/1/23 | 103.070 | 106.960 | 122.440 | 119.900 | 418.250 | 23,280.00 | 23,630.00 |
| 28/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| 29/1/23 | - | - | - | - | - | - | - |
| Bình quân | 98.859 | 102.269 | 117.710 | 116.994 | 397.803 | 23,300.909 | 23,613.636 |

*\* Giá thành phẩm xăng dầu được giao dịch thực tế trên thị trường Singapore và lấy theo mức giá giao dịch bình quân hàng ngày (MOP’s: Mean of Platt of Singapore) được công bố bởi Hãng tin Platt’s (Platt Singapore).*

*\*\* Xăng RON92 là xăng nền để pha chế xăng E5RON92.*

**Mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu từ đầu năm 2023tới kỳ điều hành lần này**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỳ điều hành** | **Mặt hàng** | | | | |
| **Xăng E5 RON92**  **(đồng/lít)** | **Xăng RON95**  **(đồng/lít)** | **Dầu Diesel**  **(đồng/lít)** | **Dầu hỏa**  **(đồng/lít)** | **Dầu mazut**  **(đồng/kg)** |
| 1 | 03/01/2023 | 350 | 400 | 0 | 0 | 100 |
| 2 | 11/01/2023 | 121 | 103 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | 30/01/2023 | 850 | 950 | 0 | 0 | 0 |